

KẾ HOẠCH

Tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế

Thực hiện Quyết định số 497/QĐ-BTP ngày 29/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, qua đó kiến nghị các giải pháp triển khai thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ trong thời gian tới, góp phần nâng cao chất lượng công tác pháp chế.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết cần thực hiện nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

- Nội dung tổng kết cần phải chính xác, có số liệu cụ thể, bám sát nội dung Đề cương Báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 497/QĐ-BTP ngày 29/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi tổng kết

a) Tổng kết toàn diện các quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ và thực tiễn thi hành tại các sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

b) Thời gian tổng kết: Từ ngày 25/8/2011 (Thời điểm Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ có hiệu lực) đến hết ngày 01/4/2021.

2. Nội dung tổng kết

a) Nội dung tổng kết thực hiện theo Đề cương Báo cáo ban hành kèm theo Kế hoạch này.



b) Xem xét, quyết định khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ.

c) Đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng đối với 01 tập thể hoặc 01 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ.

3. Hình thức tổng kết

Tùy theo tình hình thực tế của các sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh để tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ theo hình thức phù hợp (bằng hội nghị hoặc văn bản).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và dự toán trong kinh phí hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các nguồn tài trợ khác (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Báo cáo tổng kết trên cơ sở kết quả tổng hợp Báo cáo của Sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh để có văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp **trước ngày 22/4/2021**.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ cho phù hợp theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)

Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ.

3. Các Sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh

Sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ bằng hình thức tổng hợp báo cáo và gửi về Sở Tư pháp **trước ngày 15/4/2021**.



Trên đây là Kế hoạch tổ chức Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh; các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận: *kh*

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - BTP;
- TT HĐND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh; *SP'*
- DNNN trên địa bàn tỉnh; *¶*
- LĐVP (Lg, Tg), TH;
- Lưu: VT, Gg. *q*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



2/1/17

Nguyễn Lộc Hà



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
bộ máy của tổ chức pháp chế
Kèm theo Kế hoạch số: 1471.KH-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát tình hình chung và những đặc điểm nổi bật của cơ quan và doanh nghiệp nhà nước tác động đến công tác pháp chế.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2011/NĐ-CP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng và ban hành văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện (số, tên văn bản).
- Tình hình xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện hằng năm.
- Tình hình tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (số lượng cuộc tổ chức; biên soạn tài liệu, truyền thông về Nghị định thông qua các tin, bài, chương trình truyền thanh, truyền hình...).

2. Quản lý nhà nước đối với công tác pháp chế

- Tình hình quản lý nhà nước về công tác pháp chế: Công tác kiểm tra; công tác hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ ...
- Đánh giá sự phối hợp của các cơ quan có liên quan trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế .

3. Kết quả đạt được

3.1. Về tổ chức và đội ngũ người làm công tác pháp chế

Đề nghị báo cáo về số liệu, đánh giá về tình hình tổ chức và người làm công tác pháp chế tại các cơ quan và các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh (có Phụ lục kèm theo - Phụ lục 3 - 4 - 5 - 6 - 7).

3.2. Về hoạt động của các tổ chức pháp chế

Đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP trên các mặt công tác:

- Công tác xây dựng pháp luật;
- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật;
- Công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ;
- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật và xử lý vi phạm hành chính;
- Công tác bồi thường nhà nước;
- Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nếu có);
- Công tác tham mưu các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng (nếu có);
- Công tác đánh giá tác động của thủ tục hành chính (nếu có);
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo giao hoặc theo quy định của pháp luật ...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung

2. Tồn tại, vướng mắc

2.1. Những điểm bất cập về thể chế

- Những điểm bất cập trong các quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Những điểm bất cập trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế.

2.2. Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế

- Về chuyên môn, nghiệp vụ.
- Về kiện toàn, tổ chức, bố trí, sắp xếp nhân sự.
- Về phối hợp công tác với các đơn vị liên quan.
- Những khó khăn, vướng mắc khác.

2.3. Phân tích những nguyên nhân của những điểm bất cập, của những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế

- Trong triển khai thi hành các quy định của Nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nêu rõ quy định nào chưa rõ ràng; chưa đầy đủ; khó thực hiện; không phù hợp với thực tiễn; mâu thuẫn với các văn bản QPPL khác v..v...);

- Trong cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình thực hiện công tác pháp chế.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

3.2. Nguyên nhân chủ quan

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về các quy định của Nghị định và văn bản hướng dẫn thi hành

Những quy định cần bãi bỏ; những quy định mới cần được sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình mới, trong đó cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế (nhiệm vụ nào cần tiếp tục giao cho tổ chức pháp chế; nhiệm vụ nào không cần thiết giao cho tổ chức pháp chế; nhiệm vụ bổ sung cho tổ chức pháp chế);

- Quy định Phòng Pháp chế bắt buộc phải thành lập tại 14 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 1 Điều 9 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP) cần đổi mới ở điểm nào: Cần thành lập Phòng pháp chế độc lập hoặc bố trí cán bộ pháp chế chuyên trách ở những Sở, ngành nào; giải pháp về nhân sự đối với các Sở, ngành khác không bắt buộc phải thành lập Phòng pháp chế độc lập hoặc bố trí cán bộ chuyên trách là như thế nào?

- Các điều kiện bảo đảm: nhân lực, kinh phí (về công tác củng cố, kiện toàn tổ chức; bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ pháp chế, trình độ cán bộ; công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hoạt động pháp chế, chế độ chính sách đối với người làm công tác pháp chế)...

- Các nội dung khác.

2. Về các biện pháp triển khai thi hành Nghị định

- Các biện pháp triển khai thi hành Nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành; trách nhiệm của các cơ quan nhằm nâng cao chất lượng công tác pháp chế;

- Về cơ chế phối hợp trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức pháp chế;

- Các kiến nghị khác (đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, Bộ Tư pháp, v.v...)/.